TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2019/DS-PT
Ngày: 04-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Minh.

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2019/TLPT-DS ngày 06/5/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 466/33A, đường Lê Văn S, Phường 14, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thế H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 135, Lô 9, Cư xá Th, Phường 27, quận B, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Số 113, Lô S, Cư xá Th, Phường 27, quận B, Thành phố H, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2017), có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Tấn Th, sinh năm 1972. Hộ khẩu thường trú: 15/21 Phạm Văn Hai, Phường 1, quận T, Thành phố H. Địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH N.E.A, trụ sở: Tầng trệt, Tòa nhà Trung tâm thương mại B, Số 230 Đại lộ B, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Thị Kim Th, sinh năm 1979. Địa chỉ: Lô C 11.28 C/c D1, Khu dân cư Ph, Phường 7, Quận 8, Thành phố H; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Võ Th. Địa chỉ số 466/33A, đường Lê Văn S, Phường 14, Quận 3, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Bích S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 466/33A, đường Lê Văn S, Phường 14, Quận 3, Thành phố H, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích S và bị đơn ông Võ Tấn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2017, qua làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà S và ông Th có quan hệ quen biết thông qua một người bạn cách đây khoảng 20 năm. Vào khoảng năm 2011, 2012 bà S có cho ông Th vay tiền nhiều lần, số tiền cho ông Th vay lần cao nhất khoảng 2.000.000.000 đồng. Sau khi thống nhất các khoản nợ và cộng toàn bộ số tiền ông Th còn nợ là 5.091.000.000 đồng nên vào ngày 02/01/2014 bà S và ông Th lập giấy nợ có công chứng tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, theo thỏa thuận thời hạn thanh toán hết số tiền này là 03 tháng kể từ ngày công chứng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, tuy nhiên ông Th không trả tiền lãi và nợ gốc như thỏa thuận. Sau đó, ông Th cho biết cần thêm tiền đầu tư làm ăn tại nhà máy suất ăn công nghiệp và mở nhà hàng, quán cà phê tại Bình Dương nên bà S đã tiếp tục cho ông Th vay nhiều lần số tiền là 2.909.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn vay không thay đổi.

Đến ngày hết hạn bà S yêu cầu ông Th trả gốc và lãi cho bà S thì ông Th bắt đầu hẹn nhiều lần nhằm kéo dài thời gian trả nợ, ông Th trình bày hoàn cảnh đầu tư gặp nhiều khó khăn nên xin khất nợ, bà S cũng linh động để cho ông Th có thời gian thu hồi vốn trả nợ cho bà S, tuy nhiên ông Th vẫn không trả nợ. Bà S đã nhiều lần gọi điện thoại, tìm kiếm nhưng ông Th thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, đồng thời thay đổi chỗ ở nhằm tránh mặt bà S. Ngày 02/01/2015 tại số nhà 32/24/5, đường B, Phường 12, quận B, Thành phố H, bà S có gặp ông Th và yêu cầu ông Th trả nợ cho bà S, ông Th xin thời gian nên viết giấy xác nhận nợ và hẹn trong vòng 10 ngày kể từ ngày 02/01/2015 sẽ trả hết số tiền trên, trường hợp không trả được ông Th sẽ dùng vốn góp của ông Th tại các công ty do ông Th đứng tên góp vốn để cấn trừ nợ. Quá hạn thỏa thuận, ông Th vẫn không có động thái nào về việc trả nợ cho bà S mà tìm cách lẩn tránh, bà S phải tìm ông Th rất nhiều lần nhưng ông Th cũng chưa trả. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả cho bà S số tiền đã vay là 8.000.0000.000 đồng, buộc ông Th phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 02/01/2014 đến ngày 02/11/2017 lãi suất 1%/tháng với số tiền là 3.680.000.000 đồng. Tổng cộng, ông Th phải trả cho bà S số tiền là 11.680.000.000 đồng.

* Trong bản tường trình, qua các buổi làm việc, hòa giải, đối chất và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Tấn Th trình bày:

Ông và bà S là chị em thân thiết quen nhau hơn 20 năm. Trước đây bà S có làm cùng công ty, nhà hàng, làm kế toán cho công ty của ông. Năm 2007 ông

mở nhà máy, năm 2009 khai trương, trong khoảng thời gian đó hai chị em rất thân, chia sẻ với nhau tất cả mọi việc trong cuộc sống. Khoảng năm 2011, 2012 công ty gặp khó khăn, khủng hoảng, bà S có cho ông mượn tiền nhiều lần nhưng không quá 1.500.000.000 đồng. Thời gian đó ông có trả lãi và gốc nhiều lần nhưng lâu quá không nhớ đã trả được bao nhiêu, ông khẳng định đã trả hết số nợ cho bà S.

Năm 2014 do kinh doanh thua lỗ, các cổ đông rút vốn, giang hồ đòi nợ, công an cũng mời làm việc nên ông rất khủng hoảng và lo lắng. Bà S có yêu cầu ông ra công chứng ghi giấy nợ bà S số tiền 5.091.000.000 đồng để sau này có vấn đề gì thì bà S còn lấy được tiền giúp ông. Ông và bà S thỏa thuận là ghi 5.000.000.000 đồng nhưng không hiểu sao lại ra số tiền lẻ 5.091.000.000 đồng, ông có ký vào hợp đồng vay tiền, mục đích của ký hợp đồng công chứng này là không phải vay mượn mà ký để sau này bà S giúp đỡ ông.

Khủng hoảng kéo dài, ông bị chủ nhà lấy lại nhà ở quận Phú Nhuận, sau đó khi ông chuyển qua nhà mới tại Bình Thạnh ông có mời bà S qua để biết nhà, bà S đi cùng với một người bạn tên Thắng, sau khi trò chuyện với nhau thì yêu cầu ông viết tờ giấy xác nhận nợ, bà S nói ghi 8.000.000.000 đồng, nếu ông có vấn đề gì thì bà S lấy số tiền này lo cho ông, giấy xác nhận nợ ngày 02/01/2015 là do chính ông viết và xác nhận nhưng ông không nhận bất cứ số tiền nào từ bà S.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà S, ông Th không đồng ý vì ông không nhận bất cứ số tiền nào của bà S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Võ Th trình bày ý kiến: Việc chuyển nhượng một phần vốn góp giữa ông Th và bà S thực hiện vào ngày 02/12/2013. Ông Th vay tiền bà S xác lập vào ngày 02/01/2014, sau đó ông Th tự lập giấy xác nhận lại số tiền còn nợ vào ngày 02/01/2015. Như vậy, việc ông Th chuyển nhượng một phần vốn góp và vay tiền bà S là hai việc riêng biệt, xác lập tại hai thời điểm hoàn toàn khác nhau, phát sinh các quyền và nghĩa vụ riêng biệt.

Về vấn đề ông Th cho rằng bà S giữ con dấu và giả chữ ký của ông Th: Trong các văn bản tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng một phần vốn góp của ông Th. Theo hồ sơ do chính ông Th cung cấp thì hợp đồng chuyển nhượng, biên bản họp hội đồng thành viên, thông báo người đại diện theo pháp luật, thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh…liên quan đến việc chuyển nhượng này đều được lập vào ngày 02/12/2013, đến ngày 05/12/2013 thì Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh mới cấp giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi. Như vậy, từ ngày 05/12/2013 trở đi, bà S mới là người đại diện theo pháp luật của Công ty Võ Th. Trước ngày 05/12/2013 thì ông Th là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, có trách nhiệm quản lý con dấu và chịu mọi trách nhiệm pháp lý liên quan đến các văn bản tài liệu do Công ty Võ Th phát hành, ông Th phải chịu mọi trách nhiệm pháp lý liên quan đến Công ty Võ Th trong khoảng thời gian trước ngày 05/12/2013, khi ông Th còn làm giám đốc và đại diện pháp luật.

Do đó, việc ông Th vay nợ bà S theo hợp đồng vay tiền ngày 02/01/2014 và giấy xác nhận nợ ngày 02/01/2015 là của cá nhân, không liên quan đến đến các hoạt động kinh doanh, quản lý của Công ty Võ Th.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu: Ông Th phải trả cho bà S số tiền gốc là 8.000.000.000đ (tám tỷ đồng) và tính tiền lãi suất theo 02 giai đoạn, cụ thể:

+ Số tiền 5.091.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 02/01/2014 tại Phòng công chứng số 1, với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Như vậy số tiền lãi suất là 5.091.000.000đ x 1%/tháng x 11 tháng (đến ngày 01/01/2015) = 610.920.000đ.

+ Số tiền vay ngày 02/01/2015: 8.000.000.000đ x 1%/tháng x đến ngày xét xử sơ thẩm là 46 tháng 18 ngày = 3.730.666.666đ.

Tổng số tiền gốc và lãi suất yêu cầu bị đơn phải trả là 12.341.586.666đ (mười hai tỷ ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06 ngày 10/5/2018 để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Bị đơn ông Th: Không đồng ý với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn. Ông Th yêu cầu hoãn phiên tòa để giám định chữ ký và chữ viết của ông trong giấy xác nhận nợ ngày 02/01/2015 với lý do: Trước đây ông thừa nhận giấy này do ông viết và ký tên nhưng nay về xem lại thấy giống chứ không khẳng định. Ngoài ra ông Th yêu cầu bà S phải chứng minh đã giao cho ông bao nhiêu lần tiền, mỗi lần giao bao nhiêu và cung cấp các giấy biên nhận tiền.

Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn là ông Võ Tấn Th. Buộc ông Võ Tấn Th có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Bích S tổng số tiền gốc và lãi suất là 10.792.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 8.000.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 2.792.000.000 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích S về số tiền lãi là 1.549.586.666 đồng, duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06 ngày 10/5/2018. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 05/12/2018, bị đơn ông Võ Tấn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung cho rằng: Ông Th không có nhận số tiền 8.000.000.000 đồng của bà S. Do công việc làm ăn không thuận lợi, tinh thần bị khủng hoảng trầm trọng, bà S lợi dụng hoàn cảnh này đã đọc và yêu cầu ông Th viết giấy xác nhận nợ theo ý của bà S, ông Th yêu cầu xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu xét xử lại phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm,

bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 12/12/2018, ông Phạm Thế H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được tính lãi suất của số tiền cho vay 5.091.000.000 đồng từ ngày 02 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 01 tháng 01 năm 2015 và tính lãi suất cơ bản 0,75% trên tháng là không đúng pháp luật. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tính lãi suất 1% tháng. Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Xét đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi suất 1% là không đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn không chứng minh được việc đã giao tiền cho bị đơn theo hợp đồng vay tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà S khởi kiện ông Th yêu cầu ông Th trả nợ 8.000.0000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/01/2014 đến ngày 02/11/2017, lãi suất 1%/tháng, là 3.680.000.000 đồng, tổng cộng 11.680.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay tiền ngày 02/01/2014 và giấy xác nhận nợ ngày 02/01/2015. Ông Th cho rằng: Do có mối quan hệ là chị em thân thiết với bà S, trước đó ông Th có vay của bà S 300.000.000 đồng và đã trả xong. Năm 2014, do kinh doanh thua lỗ, nợ nần, bị công an mời làm việc, tinh thần bị khủng hoảng, bà S có yêu cầu ông Th làm hợp đồng vay tiền ngày 02/01/2014 vay của bà S 5.091.000.000 đồng và viết giấy xác nhận nợ ngày 02/01/2015 xác nhận còn nợ bà S 8.000.000.000 đồng với mục đích là để đối phó với các chủ nợ. Đây là những giấy nợ khống, trên thực tế bà S không có giao tiền cho ông Th.

[2] Xét kháng cáo của bà S thấy rằng: Bà S yêu cầu được xem xét tiền lãi 1%/tháng từ ngày 02/01/2014 đến ngày 01/01/2015 của số tiền gốc 5.091.000.000 đồng mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng vay tiền ngày 02/01/2014 nhưng bà S không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã giao số tiền gốc 5.091.000.000 đồng cho ông Th vay. Tại Điều 1 của Hợp đồng vay tiền có ghi: Việc giao nhận tiền do hai bên tự chịu trách nhiệm thực hiện bằng biên bản giao nhận riêng. Theo giấy xác nhận nợ ngày 02/01/2015, ông Th xác nhận còn nợ bà S tổng số tiền là 8.000.000.000 đồng, cam kết trả nợ trong thời gian 10 ngày nhưng ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm xử ông Th trả nợ cho bà S 8.000.000.000 đồng và căn cứ quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam áp dụng lãi suất cơ bản 9%/năm tương ứng 0,75%/tháng là có căn cứ đúng pháp luật khoản 2 điều 476 Bộ luật

Dân sự năm 2005. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Th thấy rằng: Theo giấy xác nhận nợ do ông Th viết ngày 02/01/2015 có nội dung: Ông Th xác nhận còn nợ bà S 8.000.000.000 đồng và cam kết trả trong vòng 10 ngày kể từ ngày 02/01/2015. Ông Th cho rằng ông viết giấy xác nhận nợ khi tâm trạng bị khủng hoảng và viết theo yêu cầu của bà S nhưng ông không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử ông Th trả nợ cho bà S 10.792.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 8.000.000.000 đồng và tiền lãi 2.792.000.000 đồng là đúng pháp luật các Điều 290, 305, 471,474, 476, Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th.

[4] Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 148, khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 290, 305, 471,474, 476, Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Bích S và ông Võ Tấn Th.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 127/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích S về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với ông Võ Tấn Th. Ông Võ Tấn Th có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị Bích S 10.792.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi là 2.792.000.000 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà Phạm Thị Bích S về số tiền lãi là 1.549.586.666 đồng.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bích S nộp 58.487.600 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.840.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0017542 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả cho bà S số tiền tạm ứng còn lại là 1.352.400 đồng. Ông Võ Tấn Th nộp 118.792.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị Bích S nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033280 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Thủ Dầu Một. Ông Võ Tấn Th nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033286 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (04/7/2019)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán thành viên **Thẩm phán – Chủ tọa**

Ngô Văn Minh **Nguyễn Thị Duyên Hằng** **Nguyễn Thành Trung**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh

Các Thẩm phán thành viên **Thẩm phán – Chủ tọa**

Ngô Văn Minh

Các Thẩm phán thành viên **Thẩm phán – Chủ tọa**

Ngô Văn Minh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh

Các Thẩm phán thành viên **Thẩm phán – Chủ tọa**

Ngô Văn Minh